

## Phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền: Tiếp cận từ góc độ truyền thông

Ngày nhận bài: 27/05/2026 | Ngày phản biện: 27/05/2026 | Ngày xuất bản: 03/09/2026

**Tác giả:** Lê Cẩm Nhung (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực, tổ chức sự kiện thể thao là môi trường học tập trải nghiệm, giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên môn và hình thành năng lực nghề nghiệp. Bài viết tập trung phân tích vai trò của truyền thông trong phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Kết quả nghiên cứu cho thấy truyền thông giữ vai trò xuyên suốt trong quá trình tổ chức sự kiện, từ lập kế hoạch, xây dựng và sản xuất nội dung, quản trị các nền tảng số, giao tiếp và phối hợp tổ chức đến xử lý tình huống và đánh giá hiệu quả sau sự kiện. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khung năng lực tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông gồm sáu nhóm năng lực cốt lõi và mô hình CSECD nhằm gắn kết đào tạo, thực hành trải nghiệm và ứng dụng công nghệ truyền thông số. Đồng thời, bài viết đề xuất các giải pháp đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường thực hành, thúc đẩy chuyển đổi số, mở rộng hợp tác với các đơn vị chuyên môn và đổi mới đánh giá năng lực. Kết quả góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.

### 1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số và xu hướng đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực đang đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các hoạt động học tập gắn với thực tiễn. Trong bối cảnh đó, tổ chức sự kiện thể thao không chỉ góp phần xây dựng môi trường giáo dục năng động, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho sinh viên mà còn tạo điều kiện để người học vận dụng kiến thức chuyên môn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và phát triển các năng lực cần thiết trong môi trường làm việc hiện

đại. Đối với sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, các sự kiện thể thao là không gian thực hành quan trọng để tích hợp kiến thức về báo chí, truyền thông, quan hệ công chúng và truyền thông số thông qua các hoạt động như lập kế hoạch truyền thông, sản xuất nội dung, quản trị nền tảng số, điều phối chương trình và đánh giá hiệu quả truyền thông.

Trong tổ chức sự kiện thể thao hiện đại, truyền thông không chỉ đảm nhiệm chức năng quảng bá mà còn giữ vai trò kết nối các chủ thể tham gia, điều phối dòng thông tin, xây dựng hình ảnh sự kiện và gia tăng mức độ tương tác với công chúng. Sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng số và mạng xã hội đã làm thay đổi phương thức truyền thông và quản trị sự kiện, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với người tổ chức, đặc biệt là khả năng ứng dụng công nghệ số, sáng tạo nội dung, làm việc nhóm và xử lý các tình huống truyền thông trong môi trường đa nền tảng.

Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến quản trị sự kiện, truyền thông sự kiện và phát triển năng lực trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, các nghiên cứu tiếp cận phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao từ góc độ truyền thông còn tương đối hạn chế, nhất là đối với các cơ sở đào tạo chuyên ngành báo chí và truyền thông. Đối với Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đến nay vẫn chưa có nhiều công trình xây dựng khung năng lực và mô hình phát triển năng lực phù hợp với đặc thù đào tạo cũng như yêu cầu của môi trường truyền thông số.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết tập trung phân tích vai trò của truyền thông trong phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền; đề xuất khung năng lực gồm sáu nhóm năng lực cốt lõi và mô hình phát triển năng lực dưới góc độ truyền thông; đồng thời kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường học tập trải nghiệm và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp (mixed methods), kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng nhằm phân tích thực trạng, xây dựng khung năng lực và đề xuất mô hình phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền dưới góc độ truyền thông.

Về nghiên cứu định tính, bài viết tiến hành phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về phát triển năng lực, tổ chức sự kiện, truyền thông sự kiện và truyền thông số. Đồng thời, phương pháp phỏng vấn chuyên gia được sử dụng để tham vấn ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý và những người có kinh nghiệm tổ chức sự kiện nhằm hoàn thiện khung năng lực và mô hình nghiên cứu.

Về nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả khảo sát 250 sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tham gia tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức các sự kiện thể thao do Học viện, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các câu lạc bộ tổ chức. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức, tập trung đánh giá sáu nhóm năng lực: lập kế hoạch truyền thông; sáng tạo và sản xuất nội dung; quản trị truyền thông số; giao tiếp và phối hợp; xử lý tình huống truyền thông; đánh giá hiệu quả truyền thông.

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả như tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD). Kết quả phân tích là cơ sở để đánh giá thực trạng, đề xuất khung năng lực, mô hình phát triển năng lực và các giải pháp phù hợp với yêu cầu đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong bối cảnh chuyển đổi số.

### **3. Kết quả và thảo luận**

#### **3.1. Kết quả nghiên cứu**

##### **3.1.1. Thực trạng của truyền thông trong phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên**

Sự phát triển của công nghệ số và các nền tảng truyền thông đã làm thay đổi đáng kể phương thức tổ chức sự kiện thể thao. Trong bối cảnh đó, truyền thông không còn được xem là hoạt động hỗ trợ mà trở thành một hợp phần của quá trình quản trị sự kiện, tác động trực tiếp đến hiệu quả tổ chức, khả năng kết nối các bên liên quan và mức độ lan tỏa giá trị của sự kiện. Nhiều nghiên cứu về quản trị sự kiện đều cho rằng truyền thông hiện diện trong toàn bộ vòng đời của sự kiện, từ giai đoạn chuẩn bị, triển khai đến đánh giá sau sự kiện (Getz & Page, 2016; Allen et al., 2022).

Đối với sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tổ chức sự kiện thể thao là môi trường học tập trải nghiệm, tạo cơ hội vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn. Thông qua quá trình xây dựng kế hoạch truyền thông, sản xuất nội dung, quản trị các nền tảng số, phối hợp với các lực lượng tham gia và đánh giá hiệu quả truyền thông, sinh viên không chỉ tích lũy kinh nghiệm thực hành mà còn phát triển các kỹ năng nghề nghiệp như tư duy tổ chức, giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ứng dụng công nghệ số.

Vai trò của truyền thông được thể hiện ở toàn bộ vòng đời của sự kiện. Trước khi sự kiện diễn ra, truyền thông góp phần xác định công chúng mục tiêu, xây dựng thông điệp, lựa chọn kênh truyền thông và thu hút người tham gia. Trong quá trình tổ chức, truyền thông giúp điều phối thông tin, duy trì tương tác với công chúng, cập nhật diễn biến sự kiện và xử lý các tình huống phát sinh trên các nền tảng truyền thông số. Sau khi sự kiện kết thúc, việc tổng hợp dữ liệu, đánh giá mức độ tiếp cận, phản hồi của người tham gia và hiệu quả truyền thông là cơ sở để rút kinh nghiệm và nâng cao chất lượng tổ chức cho các sự kiện tiếp theo.

Từ góc độ phát triển năng lực, truyền thông không chỉ giúp sinh viên hình thành kỹ năng chuyên môn mà còn phát triển năng lực tích hợp thông qua quá trình học tập và trải nghiệm thực tiễn. Những năng lực như lập kế hoạch truyền thông, sáng tạo nội dung, quản trị truyền thông số, giao tiếp và phối hợp, xử lý tình huống truyền thông và đánh giá hiệu quả đều được hình thành và hoàn thiện trong quá trình tham gia tổ chức sự kiện. Đây cũng là những năng lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực báo chí, truyền thông và tổ chức sự kiện hiện nay.

Từ những phân tích trên có thể thấy, truyền thông vừa là công cụ nâng cao hiệu quả tổ chức sự kiện thể thao, vừa là môi trường để phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Vì vậy, việc xây dựng khung năng lực tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông là cần thiết, tạo cơ sở cho việc thiết kế chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động thực hành và đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực.

| Cơ sở khoa học               | Nội dung kế thừa                                       |
|------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Giáo dục dựa trên năng lực   | Xác định chuẩn đầu ra và các nhóm năng lực cốt lõi     |
| Học tập trải nghiệm          | Phát triển năng lực thông qua trải nghiệm thực tiễn    |
| Quản trị sự kiện             | Xác định quy trình và yêu cầu năng lực                 |
| Truyền thông sự kiện         | Tích hợp truyền thông vào toàn bộ vòng đời sự kiện     |
| Truyền thông số              | Phát triển năng lực ứng dụng nền tảng số               |
| Đặc thù đào tạo của Học viện | Điều chỉnh khung năng lực phù hợp với bối cảnh đào tạo |

Bảng 1. Cơ sở khoa học xây dựng khung năng lực tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông

### 3.1.2. Khung năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên dưới góc độ truyền thông

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu về phát triển năng lực, quản trị sự kiện, truyền thông sự kiện và truyền thông số, đồng thời căn cứ vào yêu cầu đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, nghiên cứu đề xuất khung năng lực tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông gồm sáu nhóm năng lực cốt lõi. Khung năng lực được xây dựng theo chu trình tổ chức sự kiện, bảo đảm sự gắn kết giữa hoạt động chuyên môn với năng lực truyền thông, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực báo chí và truyền thông.

Năng lực lập kế hoạch truyền thông sự kiện. Đây là năng lực nền tảng, bao gồm xác định mục tiêu, phân tích công chúng, xây dựng thông điệp, lựa chọn kênh truyền thông, lập kế hoạch triển khai và phân bổ nguồn lực. Năng lực này giúp bảo đảm các hoạt động truyền thông được tổ chức thống nhất với mục tiêu và quy mô của sự kiện.

Năng lực sáng tạo và sản xuất nội dung truyền thông. Sinh viên cần có khả năng xây dựng tin, bài, hình ảnh, video, infographic và các sản phẩm truyền thông đa nền tảng phù hợp với từng nhóm công chúng. Nội dung truyền thông phải bảo đảm tính chính xác, hấp dẫn và có khả năng tạo tương tác trên các nền tảng số.

Năng lực quản trị truyền thông số. Nhóm năng lực này bao gồm việc khai thác và vận hành các nền tảng truyền thông số như website, fanpage, mạng xã hội, livestream và các công cụ phân tích dữ liệu. Đồng thời, sinh viên cần có khả năng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý thông tin, tối ưu hóa hiệu quả truyền thông và nâng cao trải nghiệm của người tham gia sự kiện.

Năng lực giao tiếp và phối hợp tổ chức sự kiện. Đây là năng lực giúp sinh viên làm việc hiệu quả với giảng viên, ban tổ chức, nhà tài trợ, cơ quan báo chí và các lực lượng hỗ trợ. Khả năng giao tiếp, điều phối và phối hợp sẽ quyết định sự thống nhất và hiệu quả của quá trình tổ chức sự kiện.

Năng lực xử lý tình huống và khủng hoảng truyền thông. Trong quá trình tổ chức sự kiện có thể phát sinh nhiều rủi ro liên quan đến truyền thông và dư luận. Vì vậy, sinh viên cần có khả năng nhận diện nguy cơ, xử lý thông tin, phản hồi kịp thời và phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm hạn chế tác động tiêu cực, bảo vệ hình ảnh của sự kiện và đơn vị tổ chức.

Năng lực đánh giá hiệu quả truyền thông. Sau mỗi sự kiện, sinh viên cần biết thu thập và phân tích dữ liệu về mức độ tiếp cận, tương tác, phản hồi của công chúng và hiệu quả của từng hoạt động truyền thông. Kết quả đánh giá là cơ sở để điều chỉnh kế hoạch, hoàn thiện quy trình tổ chức và nâng cao chất lượng các sự kiện tiếp theo.

Sáu nhóm năng lực trên có mối quan hệ chặt chẽ và được triển khai theo một chu trình thống nhất, từ lập kế hoạch, triển khai truyền thông, tổ chức thực hiện, xử lý tình huống đến đánh giá và cải tiến. Mỗi nhóm năng lực vừa có tính độc lập tương đối, vừa hỗ trợ lẫn nhau trong toàn bộ quá trình tổ chức sự kiện.

Sáu nhóm năng lực trên tạo thành một hệ thống thống nhất, phản ánh đầy đủ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông. Khung năng lực không chỉ là cơ sở xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức hoạt động thực hành mà còn là nền tảng để đề xuất mô hình phát triển năng lực phù hợp với bối cảnh đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**Hình 1.** Khung năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên dưới góc độ truyền thông

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC



Lập kế hoạch truyền thông sự kiện





### 3.1.3. Mô hình CSECD phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên dưới góc độ truyền thông

Trên cơ sở khung năng lực đã đề xuất, nghiên cứu xây dựng Mô hình phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông (Communication-based Sports Event Competency Development Model -CSECD) nhằm định hướng quá trình hình thành và phát triển năng lực cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Mô hình được xây dựng theo quan điểm đào tạo dựa trên năng lực, lấy người học làm trung tâm và gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết với thực tiễn thông qua hoạt động tổ chức sự kiện thể thao.

Mô hình CSECD gồm bốn hợp phần có mối quan hệ hữu cơ và vận hành theo chu trình khép kín.

Đầu vào (Input) Hợp phần này bao gồm các điều kiện bảo đảm cho quá trình phát triển năng lực như chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, hệ thống truyền thông số và môi trường học tập trải nghiệm. Đồng thời, sự phối hợp giữa Học viện với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các câu lạc bộ, cơ quan báo chí, doanh nghiệp truyền thông và tổ chức thể thao tạo điều kiện để sinh viên tham gia

các hoạt động thực tiễn.

Quá trình phát triển năng lực (Process) Đây là hợp phần trung tâm của mô hình, được triển khai thông qua sáu nhóm năng lực cốt lõi gồm: lập kế hoạch truyền thông, sáng tạo nội dung, quản trị truyền thông số, giao tiếp và phối hợp, xử lý tình huống truyền thông và đánh giá hiệu quả truyền thông. Các năng lực được hình thành và phát triển đồng thời thông qua học tập trên lớp, thực hành, hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm tổ chức sự kiện.

Kết quả đầu ra (Output) Kết quả của mô hình là sự hình thành năng lực tổ chức sự kiện thể thao gắn với năng lực truyền thông, năng lực số, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp trong lĩnh vực báo chí, truyền thông và tổ chức sự kiện.

Phản hồi và cải tiến (Feedback) Sau mỗi hoạt động, kết quả đánh giá từ giảng viên, chuyên gia, đơn vị phối hợp và sinh viên được sử dụng để điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp tổ chức và hoạt động thực hành. Cơ chế phản hồi liên tục giúp hoàn thiện khung năng lực, cập nhật yêu cầu của thực tiễn và nâng cao chất lượng đào tạo.

Bốn hợp phần của mô hình có mối quan hệ kế tiếp và bổ trợ lẫn nhau. Hợp phần đầu vào tạo nền tảng cho quá trình phát triển năng lực; quá trình là trung tâm của mô hình; đầu ra phản ánh mức độ hình thành năng lực nghề nghiệp; phản hồi và cải tiến bảo đảm mô hình được cập nhật liên tục theo yêu cầu thực tiễn.

#### 3.1.4. Giải pháp phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền dưới góc độ truyền thông

Để phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tiếp cận năng lực và bối cảnh chuyển đổi số, cần triển khai đồng bộ các giải pháp về chương trình đào tạo, môi trường thực hành, hạ tầng công nghệ, cơ chế phối hợp và đánh giá kết quả học tập.

Đổi mới chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực. Chương trình đào tạo cần được thiết kế theo chuẩn đầu ra gắn với yêu cầu thực tiễn của lĩnh vực báo chí, truyền thông và tổ chức sự kiện. Nội dung giảng dạy cần tăng cường tính liên ngành giữa truyền

thông, quan hệ công chúng, quản trị sự kiện và quản lý thể thao; đồng thời mở rộng các phương pháp dạy học theo dự án, tình huống và học tập trải nghiệm. Khung năng lực được đề xuất trong nghiên cứu có thể sử dụng làm căn cứ xây dựng học phần, xác định chuẩn đầu ra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Tăng cường hoạt động thực hành và học tập trải nghiệm. Học viện cần tổ chức thường xuyên các giải thể thao, ngày hội thể thao và các hoạt động quy mô cấp khoa, cấp Học viện để tạo môi trường thực hành cho sinh viên. Trong quá trình tổ chức, sinh viên cần được phân công đảm nhiệm các vị trí cụ thể như xây dựng kế hoạch truyền thông, sản xuất nội dung, quản trị nền tảng số, điều phối truyền thông và tổng kết, đánh giá hiệu quả sau sự kiện. Việc tham gia trực tiếp vào toàn bộ quy trình sẽ giúp sinh viên phát triển đồng thời kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong tổ chức và truyền thông sự kiện. Học viện cần đầu tư, khai thác hiệu quả các nền tảng truyền thông số và công cụ hỗ trợ quản lý sự kiện, đồng thời tích hợp việc sử dụng các phần mềm thiết kế, sản xuất nội dung số, livestream, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo vào quá trình đào tạo. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ nâng cao hiệu quả tổ chức sự kiện mà còn giúp sinh viên thích ứng với yêu cầu của môi trường truyền thông hiện đại.

Mở rộng hợp tác với cơ quan báo chí, doanh nghiệp truyền thông và các tổ chức thể thao. Sự phối hợp giữa Học viện với các đơn vị sử dụng lao động sẽ tạo điều kiện để sinh viên tham gia thực tập, tổ chức các sự kiện thực tế và tiếp cận quy trình làm việc chuyên nghiệp. Đồng thời, việc mời chuyên gia tham gia giảng dạy, hướng dẫn và phản biện sản phẩm truyền thông sẽ góp phần gắn kết giữa đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đổi mới công tác đánh giá năng lực. Việc đánh giá cần được thực hiện trong suốt quá trình học tập thông qua nhiều hình thức như đánh giá sản phẩm, hồ sơ học tập, quan sát, tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của giảng viên hoặc chuyên gia. Kết quả đánh giá không chỉ phản ánh mức độ đạt chuẩn đầu ra mà còn cung cấp cơ sở để điều chỉnh nội dung đào tạo, hoàn thiện hoạt động thực hành và phát triển năng lực của sinh viên theo chu trình cải tiến liên tục.

Năm nhóm giải pháp có mối quan hệ hỗ trợ và tạo thành một hệ thống thống nhất. Trong đó, đổi mới chương trình đào tạo giữ vai trò định hướng; học tập trải nghiệm là môi trường hình thành năng lực; chuyển đổi số là điều kiện nâng cao hiệu quả tổ chức; hợp tác với các đơn vị ngoài Học viện giúp tăng cường tính thực tiễn; còn đổi mới đánh giá là cơ chế phản hồi nhằm bảo đảm quá trình phát triển năng lực diễn ra liên tục. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo cơ sở để xây dựng mô hình đào tạo gắn với thực tiễn nghề nghiệp trong lĩnh vực báo chí, truyền thông và tổ chức sự kiện.

### **3.2. Thảo luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao của sinh viên cần được tiếp cận theo hướng tích hợp giữa phát triển năng lực nghề nghiệp với phát triển năng lực truyền thông. Điều này phù hợp với xu hướng đào tạo đại học theo tiếp cận năng lực, trong đó người học không chỉ được trang bị kiến thức chuyên môn mà còn phải hình thành khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn thông qua trải nghiệm và thực hành nghề nghiệp. Quan điểm này tương đồng với mô hình năng lực của Spencer và Spencer (1993), Boyatzis (1982) và lý thuyết học tập trải nghiệm của Kolb (1984), nhấn mạnh rằng năng lực được hình thành trong quá trình người học tham gia các hoạt động thực tiễn, phản tư và không ngừng hoàn thiện.

Ở góc độ quản trị sự kiện, các nghiên cứu của Getz và Page (2016), Allen và cộng sự (2022), Bowdin và cộng sự (2012) đều cho rằng tổ chức sự kiện hiện đại là quá trình quản trị tổng hợp, bao gồm lập kế hoạch, truyền thông, điều phối nguồn lực, quản trị rủi ro và đánh giá hiệu quả sau sự kiện. Tuy nhiên, các công trình này chủ yếu tập trung vào quản trị sự kiện dưới góc nhìn quản lý hoặc kinh doanh, chưa phân tích sâu vai trò của truyền thông như một năng lực xuyên suốt trong quá trình tổ chức sự kiện đối với người học ở các cơ sở giáo dục đại học. Trong khi đó, nghiên cứu này tiếp cận từ đặc thù đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, nơi truyền thông vừa là nội dung đào tạo, vừa là phương thức tổ chức và lan tỏa giá trị của các hoạt động thực tiễn.

So với các nghiên cứu trong nước về tổ chức sự kiện, phần lớn các công trình mới tập trung vào quy trình tổ chức, kỹ năng nghề nghiệp hoặc công tác truyền thông cho sự kiện, chưa xây dựng một khung năng lực chuyên biệt dành cho sinh viên theo định hướng phát triển năng lực. Bài báo đã bổ sung khoảng trống này thông qua việc đề xuất khung năng lực gồm sáu nhóm năng lực cốt lõi, phản ánh toàn bộ vòng đời của hoạt động tổ chức sự kiện thể thao từ lập kế hoạch truyền thông, sáng tạo nội dung, quản trị truyền thông số, giao tiếp và phối hợp, xử lý tình huống truyền thông đến đánh giá hiệu quả truyền thông. Khung năng lực không chỉ kế thừa các nghiên cứu trước mà còn được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực báo chí và truyền thông ở Việt Nam.

Một kết quả có ý nghĩa của nghiên cứu là đề xuất Mô hình phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông (CSECD). Khác với nhiều mô hình phát triển năng lực chủ yếu mô tả quá trình đào tạo theo tuyến tính, mô hình CSECD được thiết kế theo chu trình gồm bốn hợp phần: đầu vào, quá trình phát triển năng lực, kết quả đầu ra và phản hồi - cải tiến. Cấu trúc này nhấn mạnh mối quan hệ liên tục giữa đào tạo, trải nghiệm, đánh giá và điều chỉnh, phù hợp với yêu cầu bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học hiện nay. Đồng thời, mô hình cũng thể hiện rõ vai trò của truyền thông số như một yếu tố xuyên suốt, tác động đến tất cả các giai đoạn của quá trình tổ chức sự kiện.

Đối với Học viện Báo chí và Tuyên truyền, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn ở ba phương diện. Thứ nhất, khung năng lực có thể được sử dụng làm căn cứ tham khảo trong việc xây dựng chuẩn đầu ra và thiết kế các học phần liên quan đến truyền thông, quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện. Thứ hai, mô hình CSECD là cơ sở để tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm, giúp sinh viên được tham gia toàn bộ quy trình tổ chức sự kiện thể thao, từ đó phát triển đồng thời năng lực chuyên môn, năng lực truyền thông và kỹ năng nghề nghiệp. Thứ ba, các nhóm giải pháp được đề xuất góp phần tăng cường sự gắn kết giữa hoạt động đào tạo với nhu cầu thực tiễn của các cơ quan báo chí, doanh nghiệp truyền thông và các tổ chức thể thao trong bối cảnh chuyển đổi số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế. Do phạm vi nghiên cứu tập trung vào việc xây dựng khung năng lực và mô hình phát triển trên cơ

sở phân tích lý luận, bài báo chưa tiến hành kiểm định thực nghiệm đối với từng nhóm năng lực cũng như chưa đánh giá mức độ tác động của các yếu tố trong mô hình CSECD bằng các phương pháp định lượng. Đây cũng là hướng nghiên cứu cần tiếp tục triển khai nhằm hoàn thiện khung năng lực, kiểm chứng tính khả thi của mô hình và mở rộng khả năng ứng dụng tại các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, quản trị sự kiện và quản lý thể thao.

#### **4. Kết luận**

Phát triển năng lực tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông là yêu cầu phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục đại học theo tiếp cận năng lực và bối cảnh chuyển đổi số. Đối với sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, quá trình tham gia tổ chức các sự kiện thể thao không chỉ góp phần rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp mà còn tạo cơ hội vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn, phát triển năng lực truyền thông, tổ chức, phối hợp và thích ứng với môi trường làm việc hiện đại.

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, nghiên cứu đã đề xuất khung năng lực tổ chức sự kiện thể thao dưới góc độ truyền thông gồm sáu nhóm năng lực cốt lõi và xây dựng Mô hình phát triển năng lực CSECD với bốn hợp phần: đầu vào, quá trình phát triển năng lực, kết quả đầu ra và phản hồi - cải tiến. Đây là những đóng góp chính của nghiên cứu, góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc thiết kế chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động thực hành và đánh giá năng lực của sinh viên theo định hướng phát triển năng lực.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp về đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường học tập trải nghiệm, thúc đẩy chuyển đổi số, mở rộng hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp và hoàn thiện cơ chế đánh giá. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực báo chí, truyền thông và tổ chức sự kiện.

Do phạm vi nghiên cứu còn giới hạn trong bối cảnh Học viện Báo chí và Tuyên truyền, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng đối tượng khảo sát, kiểm định thực nghiệm khung năng lực và mô hình CSECD tại các cơ sở đào tạo khác nhằm hoàn thiện cơ sở khoa học và nâng cao khả năng ứng dụng trong thực tiễn./.

## **Tài liệu tham khảo**

Allen, J., O'Toole, W., Harris, R., & McDonnell, I. (2022). *Festival and Special Event Management* (8th ed.). Wiley.

Ban Chấp hành Trung ương. (2022). Nghị quyết số 29-NQ/TW về tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bowdin, G., Allen, J., O'Toole, W., Harris, R., & McDonnell, I. (2012). *Events Management* (3rd ed.). Routledge.

Boyatzis, R. E. (1982). *The Competent Manager: A Model for Effective Performance*. Wiley.

Brown, G., & James, J. (2004). Event design and management: Ritual sacrifice? *Festival Management and Event Tourism*, 9(1-2), 53-64.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2021). Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030.

European Commission. (2018). *Council Recommendation on Key Competences for Lifelong Learning*. Brussels.

Getz, D. (2008). Event tourism: Definition, evolution, and research. *Tourism Management*, 29(3), 403-428.

- Getz, D., & Page, S. J. (2016). Event Studies: Theory, Research and Policy for Planned Events (3rd ed.). Routledge.
- Kolb, D. A. (1984). Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development. Prentice Hall.
- Lưu Văn An (Chủ biên). (2019). Giáo trình Quan hệ công chúng. NXB Lý luận chính trị.
- Masterman, G. (2014). Strategic Sports Event Management (3rd ed.). Routledge.
- Nguyễn Thị Trường Giang. (2020). Truyền thông đa phương tiện. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Văn Dũng. (2012). Truyền thông - Lý thuyết và kỹ năng cơ bản. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên). (2018). Cơ sở lý luận báo chí. NXB Thông tin và Truyền thông.
- OECD. (2019). OECD Future of Education and Skills 2030. OECD Publishing.
- Spencer, L. M., & Spencer, S. M. (1993). Competence at Work: Models for Superior Performance. Wiley.
- Trần Thị Minh Đức. (2018). Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- UNESCO. (2021). Reimagining Our Futures Together: A New Social Contract for Education. UNESCO Publishing.
- World Economic Forum. (2023). The Future of Jobs Report 2023. World Economic Forum.

Đinh Văn Hường. (2016). Tổ chức sự kiện. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.